

Số: 14707 /TB-UBND

Vũng Tàu, ngày 17 tháng 8 năm 2018

THÔNG BÁO
Về việc xét tuyển viên chức giáo dục thành phố Vũng Tàu
năm học 2018-2019

Căn cứ Luật Viên chức ngày 15/11/2010;

Căn cứ Nghị định số 29/2012/NĐ-CP ngày 12/4/2012 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

Căn cứ Thông tư số 15/2012/TT-BNV ngày 25/12/2012 của Bộ Trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn về tuyển dụng, ký kết hợp đồng làm việc và đền bù chi phí đào tạo, bồi dưỡng đối với viên chức;

Căn cứ Thông tư số 16/2012/TT-BNV ngày 28/12/2012 của Bộ Trưởng Bộ Nội vụ ban hành Quy chế thi tuyển, xét tuyển viên chức; Quy chế thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp đối với viên chức và Nội quy kỳ thi tuyển, thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp đối với viên chức;

Căn cứ Chỉ thị số 17/CT-TTg ngày 20/6/2014 của Thủ tướng Chính phủ về một số biện pháp chấn chỉnh tình trạng lạm dụng yêu cầu nộp bản sao có chứng thực đối với giấy tờ, văn bản khi thực hiện thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 04/2014/QĐ-UBND ngày 24/01/2014 của UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu ban hành quy định thẩm quyền tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức trong các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;

Căn cứ Kế hoạch số 3896/KH-UBND ngày 13/7/2018 của UBND thành phố Vũng Tàu về việc tổ chức xét tuyển viên chức giáo dục năm học 2018-2019;

Thực hiện Quyết định số 303/QĐ-SNV ngày 16/8/2018 của Sở Nội vụ tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu về việc phê duyệt kế hoạch tuyển dụng viên chức đơn vị sự nghiệp giáo dục và đào tạo thuộc UBND thành phố Vũng Tàu năm học 2018-2019;

UBND thành phố Vũng Tàu thông báo xét tuyển viên chức giáo dục năm học 2018-2019, cụ thể như sau:

1- Số lượng viên chức cần tuyển theo từng vị trí việc làm và chức danh nghề nghiệp tương ứng: 273 người, cụ thể:

- Chức danh giáo viên: số lượng cần tuyển là 265 chỉ tiêu. Trong đó:

+ Mầm non: 109 chỉ tiêu

+ Tiểu học: 153 chỉ tiêu

- + Trung học cơ sở: 03 chỉ tiêu
- Chức danh nhân viên: số lượng cần tuyển là 08 chỉ tiêu. Trong đó:
 - + Nhân viên Văn thư: 04 chỉ tiêu
 - + Nhân viên Thư viện: 02 chỉ tiêu
 - + Nhân viên Thiết bị: 02 chỉ tiêu

2. Điều kiện đăng ký dự tuyển viên chức:

Người đăng ký dự tuyển phải có đủ tiêu chuẩn về phẩm chất, chuyên môn, năng lực theo yêu cầu của vị trí việc làm và chức danh nghề nghiệp, có đủ các điều kiện đăng ký dự tuyển quy định tại Điều 22 Luật Viên chức, cụ thể:

a) Người có đủ các điều kiện sau đây không phân biệt dân tộc, nam nữ, thành phần xã hội, tín ngưỡng, tôn giáo được đăng ký dự tuyển viên chức:

- + Có quốc tịch Việt Nam và cư trú tại Việt Nam.
- + Từ đủ 18 tuổi trở lên.
- + Có nộp đơn đăng ký dự tuyển theo đúng quy định.
- + Có lý lịch rõ ràng.
- + Có văn bằng, chứng chỉ đào tạo, chứng chỉ hành nghề hoặc có năng khiếu kỹ năng phù hợp với vị trí việc làm theo quy định tại Khoản 3 của Thông báo này.
- + Đủ sức khỏe để thực hiện công việc hoặc nhiệm vụ.
- + Đáp ứng các điều kiện khác theo yêu cầu của vị trí việc làm đã được xác định trong thông báo tuyển dụng này.

b) Những người sau đây không đủ điều kiện đăng ký dự tuyển viên chức:

- + Mất năng lực hành vi dân sự hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự;
- + Đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự; đang chấp hành bản án, quyết định về hình sự của Tòa án; đang bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở chữa bệnh, cơ sở giáo dục, trường giáo dưỡng.

3. Yêu cầu về tiêu chuẩn đối với từng chức danh nghề nghiệp:

3.1 Đối với giáo viên:

3.1.1- Giáo viên mầm non hạng IV- mã số V.07.02.06:

- a) Có bằng tốt nghiệp trung cấp sư phạm mầm non trở lên;
- b) Có trình độ ngoại ngữ bậc 1 theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc có chứng chỉ A trở lên; ✓

c) Có trình độ tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11 tháng 3 năm 2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin hoặc có chứng chỉ A trở lên;

3.1.2- Giáo viên tiểu học hạng IV- mã số V.07.03.09:

a) Có bằng tốt nghiệp trung cấp sư phạm tiểu học hoặc trung cấp sư phạm các chuyên ngành phù hợp với bộ môn giảng dạy trở lên;

b) Có trình độ ngoại ngữ bậc 1 theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc có chứng chỉ A trở lên;

Đối với giáo viên dạy ngoại ngữ thì trình độ ngoại ngữ thứ hai phải đạt bậc 1 theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc chứng chỉ A trở lên;

c) Có trình độ tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11 tháng 3 năm 2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin hoặc chứng chỉ A trở lên

3.1.3- Giáo viên trung học cơ sở hạng III- mã số V.07.04.12:

a) Có bằng tốt nghiệp cao đẳng sư phạm trở lên hoặc cao đẳng các chuyên ngành phù hợp với bộ môn giảng dạy trở lên và có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm đối với giáo viên trung học cơ sở;

b) Có trình độ ngoại ngữ bậc 1 theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc có chứng chỉ A trở lên;

c) Có trình độ tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11 tháng 3 năm 2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin hoặc có chứng chỉ A trở lên.

3.2 Đối với nhân viên:

3.2.1- Nhân viên Thiết bị - Thí nghiệm (xếp theo mã số giáo viên THCS hạng III – mã số V.07.04.12):

a) Có bằng tốt nghiệp cao đẳng trở lên chuyên ngành Thiết bị - Thí nghiệm hoặc cao đẳng trở lên các chuyên ngành Lý, Hóa, Sinh, có chứng chỉ bồi dưỡng thiết bị thí nghiệm thực hành;

b) Có trình độ ngoại ngữ bậc 1 theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành

khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc có chứng chỉ A trở lên;

c) Có trình độ tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11 tháng 3 năm 2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin hoặc có chứng chỉ A trở lên.

3.2.2- Thư viện viên hạng IV- mã số V.10.02.07:

a) Tốt nghiệp trung cấp trở lên chuyên ngành thư viện hoặc chuyên ngành khác có liên quan. Nếu tốt nghiệp trung cấp trở lên chuyên ngành khác phải có chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp chuyên ngành thư viện do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền cấp;

b) Có trình độ ngoại ngữ bậc 1 (A1) theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc có chứng chỉ A trở lên;

c) Có trình độ tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11 tháng 3 năm 2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin hoặc có chứng chỉ A trở lên.

3.2.3- Văn thư trung cấp – mã số 02.008:

a) Có bằng tốt nghiệp trung cấp trở lên chuyên ngành văn thư lưu trữ, nếu tốt nghiệp chuyên ngành khác thì phải có chứng chỉ bồi dưỡng bổ sung kiến thức nghiệp vụ văn thư;

b) Có chứng chỉ bồi dưỡng quản lý nhà nước và nghiệp vụ ngạch văn thư trung cấp;

c) Có chứng chỉ ngoại ngữ trình độ bậc 1 (hoặc tương đương) khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc có chứng chỉ A trở lên;

d) Có chứng chỉ tin học với trình độ đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/3/2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin hoặc có chứng chỉ A trở lên.

4. Hồ sơ đăng ký dự tuyển:

a) Đơn đăng ký dự tuyển viên chức (theo mẫu quy định);

b) Bản Sơ yếu lý lịch tự thuật (theo mẫu quy định) có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền trong thời hạn 06 tháng, tính đến ngày nộp hồ sơ dự tuyển;

c) Bản sao các văn bằng, chứng chỉ và kết quả học tập (bảng điểm) theo yêu cầu của vị trí dự tuyển. Trường hợp có văn bằng do cơ sở đào tạo nước ngoài cấp phải được công chứng dịch thuật sang tiếng Việt.

*** Bản sao các văn bằng, chứng chỉ và kết quả học tập (bảng điểm):** đề nghị nộp 2 bộ để phục vụ cho việc xác minh văn bằng chứng chỉ sau khi trúng tuyển theo quy định.

*** Đối với thí sinh mới tốt nghiệp có giấy chứng nhận tốt nghiệp hoặc hoàn thành chương trình học đang chờ cấp bằng tốt nghiệp:** có thể nộp giấy chứng nhận tốt nghiệp do cơ sở đào tạo có thẩm quyền cấp để tham gia đăng ký nộp hồ sơ và tham gia dự tuyển. Đồng thời phải cam kết bổ sung bằng tốt nghiệp trong thời gian chậm nhất là 01 tháng sau khi có kết quả trúng tuyển. Trường hợp không bổ sung được bằng tốt nghiệp trong thời gian quy định thì UBND thành phố Vũng Tàu sẽ hủy bỏ kết quả tuyển dụng.

d) Giấy chứng nhận sức khỏe còn giá trị sử dụng (trong vòng 12 tháng kể từ ngày cấp giấy chứng nhận) do cơ quan y tế đủ điều kiện được khám sức khỏe chứng nhận theo đúng quy định tại Thông tư số 14/2013/TT-BYT ngày 06/05/2013 của Bộ Y tế về việc hướng dẫn khám sức khỏe;

đ) Giấy chứng nhận thuộc đối tượng ưu tiên trong tuyển dụng viên chức (nếu có) được cơ quan, tổ chức có thẩm quyền chứng thực.

g) 02 ảnh cỡ 3 x 4 cm, ghi rõ họ tên và ngày tháng năm sinh phía sau ảnh;

h) 03 phong bì có dán tem, ghi rõ họ tên và địa chỉ người nhận; địa chỉ Email, số điện thoại của người tham gia dự tuyển.

*** Địa chỉ Email là nội dung bắt buộc thí sinh phải ghi trong đơn dự tuyển, nhằm để thực hiện việc trao đổi thông tin dự tuyển trong suốt quá trình tuyển dụng (nếu có)**

5. Nội dung xét tuyển:

- Xét kết quả học tập bao gồm điểm học tập và điểm tốt nghiệp của người dự tuyển.

- Kiểm tra, sát hạch thông qua hình thức giảng dạy 01 tiết trên lớp đối với các chức danh nghề nghiệp giáo viên và phỏng vấn đối với các chức danh nghề nghiệp nhân viên. Cụ thể:

*** Đối với các chức danh nghề nghiệp giáo viên:**

- Hình thức kiểm tra, sát hạch: thực hành giảng dạy 01 tiết trên lớp.

- Thời gian thực hành:

+ Giáo viên mầm non: không quá 30 phút/tiết.

+ Giáo viên tiểu học: không quá 40 phút/tiết.

+ Giáo viên trung học cơ sở: không quá 45 phút/tiết.

*** Đối với các chức danh nghề nghiệp nhân viên:**

- Hình thức kiểm tra, sát hạch: phỏng vấn trực tiếp thí sinh.

- Thời gian: không quá 15 phút/thí sinh.

- Quy định chi tiết nội dung kiểm tra sát hạch: sẽ có thông báo sau. 

5. Cách tính điểm:

- Điểm học tập được xác định bằng trung bình cộng kết quả các môn học trong toàn bộ quá trình học tập của người dự xét tuyển ở trình độ, chuyên môn, nghiệp vụ theo yêu cầu của vị trí dự tuyển và được quy đổi theo thang điểm 100, tính hệ số 1.

- Điểm tốt nghiệp được xác định bằng trung bình cộng kết quả các môn thi tốt nghiệp hoặc điểm bảo vệ luận văn của người dự xét tuyển và được quy đổi theo thang điểm 100, tính hệ số 1.

- Trường hợp người dự xét tuyển được đào tạo theo hệ thống tín chỉ thì điểm học tập đồng thời là điểm tốt nghiệp và được quy đổi theo thang điểm 100, tính hệ số 2.

- Điểm phỏng vấn hoặc thực hành được tính theo thang điểm 100 và tính hệ số 2.

- Kết quả xét tuyển là tổng số điểm của điểm học tập, điểm tốt nghiệp, điểm phỏng vấn hoặc thực hành.

Trường hợp người dự xét tuyển được đào tạo theo hệ thống tín chỉ thì kết quả xét tuyển là tổng số điểm của điểm phỏng vấn hoặc thực hành và điểm học tập đã nhân hệ số 2.

6. Xác định người trúng tuyển trong kỳ xét tuyển viên chức:

6.1- Người trúng tuyển trong kỳ xét tuyển viên chức phải có đủ các điều kiện sau đây:

a) Có điểm học tập, điểm tốt nghiệp và điểm phỏng vấn hoặc thực hành, mỗi loại đạt từ 50 điểm trở lên;

b) Có kết quả xét tuyển cao hơn lấy theo thứ tự từ cao xuống thấp đến hết chỉ tiêu được tuyển dụng của từng vị trí việc làm.

6.2- Trường hợp có từ 02 người trở lên có kết quả xét tuyển bằng nhau ở chỉ tiêu cuối cùng cần tuyển dụng thì người có điểm phỏng vấn hoặc điểm thực hành cao hơn là người trúng tuyển; nếu điểm phỏng vấn hoặc điểm thực hành bằng nhau thì người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền tuyển dụng viên chức quyết định người trúng tuyển theo thứ tự ưu tiên quy định tại Khoản 2 Điều 10 Nghị định số 29/2012/NĐ-CP ngày 12/4/2012 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức. Cụ thể:

a) Anh hùng lực lượng vũ trang, Anh hùng lao động;

b) Thương binh;

c) Người hưởng chính sách như thương binh;

d) Con liệt sĩ;

đ) Con thương binh;

e) Con của người hưởng chính sách như thương binh;

- g) Người dân tộc ít người;
- h) Đội viên thanh niên xung phong;
- i) Đội viên tri thức trẻ tình nguyện tham gia phát triển nông thôn, miền núi từ đủ 24 tháng trở lên đã hoàn thành nhiệm vụ;
- k) Người hoàn thành nghĩa vụ quân sự;
- l) Người dự tuyển là nữ.

6.3 - Trường hợp vẫn không xác định được người trúng tuyển theo thứ tự ưu tiên quy định tại Khoản 2 Điều 13 Nghị định số 29/2012/NĐ-CP ngày 12/4/2012 của Chính phủ thì người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền tuyển dụng viên chức quyết định người trúng tuyển.

6.4 - Không thực hiện bảo lưu kết quả xét tuyển cho các kỳ xét tuyển lần sau.

7. Lệ phí dự tuyển: Dự kiến thu 400.000đ/người (chỉ thu lệ phí xét tuyển đối với các trường hợp thí sinh đủ điều kiện, tiêu chuẩn tham gia xét tuyển).

* **Thời gian thu lệ phí dự tuyển:** sau khi công bố danh sách thí sinh đủ điều kiện tham gia xét tuyển Hội đồng xét tuyển sẽ có thông báo cụ thể cho thí sinh được biết.

8. Thời gian, địa điểm phát hành, nhận hồ sơ đăng ký tuyển dụng:

- Thời gian phát hành và nhận hồ sơ dự tuyển: Từ ngày: **20/8/2018 đến 13/9/2018 (trừ ngày Chủ nhật và kỳ nghỉ lễ 2/9)**

- Địa điểm phát hành và nhận hồ sơ: Phòng Nội vụ thành phố Vũng Tàu – địa chỉ: 89 Lý Thường Kiệt, phường 1, thành phố Vũng Tàu. Điện thoại: 0254.3515229; 0254.3512245.

9. Việc thông tin số lượng người đã đăng ký dự tuyển và thay đổi nguyện vọng đăng ký dự tuyển:

Để tạo điều kiện thí sinh được biết, tham khảo và lựa chọn vị trí dự tuyển một cách khách quan nhằm tránh trường hợp thí sinh đăng ký tập trung quá nhiều vào một đơn vị; đồng thời tạo điều kiện cho thí sinh tham gia dự tuyển có nhiều cơ hội trúng tuyển và đảm bảo tuyển đủ viên chức theo chỉ tiêu cần tuyển dụng.

Việc thông tin số lượng người đã đăng ký dự tuyển và thay đổi nguyện vọng đăng ký dự tuyển, rút hồ sơ đăng ký dự tuyển được thực hiện như sau:

a) Việc thông tin số lượng người đã đăng ký dự tuyển vào từng vị trí việc làm cần tuyển dụng: do Phòng Nội vụ cập nhật và niêm yết công khai tại địa điểm tiếp nhận hồ sơ ít nhất 03 lần trong thời gian nhận hồ sơ, trong đó lần cuối cùng phải trước ngày kết thúc nhận hồ sơ 01 ngày.

b) Việc thay đổi nguyện vọng đăng ký dự tuyển: phải do thí sinh đã đăng ký dự tuyển trực tiếp thực hiện tại nơi nộp hồ sơ và thí sinh được thay đổi

nguyện vọng đăng ký dự tuyển tối đa 03 lần trong khoảng thời gian nhận hồ sơ dự tuyển theo thông báo này.

c) Việc rút hồ sơ đã đăng ký dự tuyển: phải do thí sinh đã đăng ký dự tuyển trực tiếp thực hiện tại nơi nộp hồ sơ trong thời gian nhận hồ sơ tại thông báo này. Không thực hiện việc cho rút hồ sơ dự tuyển ngoài thời gian trên.

UBND thành phố Vũng Tàu yêu cầu Trưởng phòng Nội vụ, Trưởng phòng Giáo dục và Đào tạo, Hiệu trưởng các trường học, Chủ tịch UBND các phường, xã thuộc UBND TPVT khi nhận được thông báo này photo ra giấy khổ lớn (A3) niêm yết công khai tại trụ sở cơ quan, đơn vị mình./.

(Kèm theo bảng nhu cầu tuyển dụng cụ thể của các đơn vị đã được Sở Nội vụ tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu phê duyệt)

Nơi nhận :

- UBND tỉnh BR-VT;
- Sở Nội vụ, Sở GD&ĐT tỉnh BR-VT;
- TTr. Thành ủy;
- TTr. HĐND, UBND TPVT;
- Báo BR-VT;
- UBND các huyện, thành phố thuộc tỉnh BR-VT;
- Phòng Nội vụ TPVT;
- Phòng GD&ĐT TPVT
- Phòng TC-KH TPVT;
- Website thành phố Vũng Tàu;
- 63 trường học thuộc TPVT;
- UBND 17 phường, xã thuộc TPVT;
- Lưu: VT.

D:\Tuyen moi VC 2018-2019\TB sot tuyen 2018

**KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Đã ký

Nguyễn Thị Bạch Ngân

UBND TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU
SỞ NỘI VỤ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**NHU CẦU TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP GIÁO DỤC
THUỘC UBND THÀNH PHỐ VŨNG TÀU NĂM HỌC 2018-2019 (CẤP MẦM NON)**

(Kèm theo Quyết định số 303 /QĐ-SNV ngày 16 tháng 8 năm 2018 của Sở Nội vụ)

STT	Đơn vị	Tổng số	Vị trí việc làm: Giáo viên		Ghi chú
			Chức danh nghề nghiệp	Mã số	
1	2	3	4	5	6
1	MN Ánh Dương	4	Giáo viên mầm non hạng IV	V.07.02.06	
2	MN Năng Hồng	2	Giáo viên mầm non hạng IV	V.07.02.06	
3	MN Thùy Vân	4	Giáo viên mầm non hạng IV	V.07.02.06	
4	MN Phường 3	7	Giáo viên mầm non hạng IV	V.07.02.06	
5	MN Châu Thành	3	Giáo viên mầm non hạng IV	V.07.02.06	
6	MN Sao Mai	5	Giáo viên mầm non hạng IV	V.07.02.06	
7	MN Sen Hồng	4	Giáo viên mầm non hạng IV	V.07.02.06	
8	MN Hương Sen	2	Giáo viên mầm non hạng IV	V.07.02.06	
9	MN Mầm non 1/6	4	Giáo viên mầm non hạng IV	V.07.02.06	
10	MG Phường 8	3	Giáo viên mầm non hạng IV	V.07.02.06	
11	MN Sao Việt	4	Giáo viên mầm non hạng IV	V.07.02.06	
12	MN Hoa Phượng	6	Giáo viên mầm non hạng IV	V.07.02.06	
13	MN Trúc Xanh	5	Giáo viên mầm non hạng IV	V.07.02.06	
14	MN Hòa Mi	3	Giáo viên mầm non hạng IV	V.07.02.06	

STT	Đơn vị	Tổng số	Chức danh nghề nghiệp	Mã số	Ghi chú
15	MN 30/4	7	Giáo viên mầm non hạng IV	V.07.02.06	
16	MN Hoa Mai	1	Giáo viên mầm non hạng IV	V.07.02.06	
17	MN Cỏ May	1	Giáo viên mầm non hạng IV	V.07.02.06	
18	MN Phước Thắng	2	Giáo viên mầm non hạng IV	V.07.02.06	
19	MN 2-9	11	Giáo viên mầm non hạng IV	V.07.02.06	
20	MN Tuổi Thơ	18	Giáo viên mầm non hạng IV	V.07.02.06	
21	MN Hướng Dương	13	Giáo viên mầm non hạng IV	V.07.02.06	
Tổng cộng		109			

*** Tổng cộng: 109 chỉ tiêu giáo viên**

Yêu cầu về tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức:

- Giáo viên Mầm non hạng IV - Mã số: V.07.02.06 theo quy định tại Thông tư liên tịch số 20/2015/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 14/9/2015 của Bộ Giáo dục - Đào tạo và Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non.

UBND TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU
SỞ NỘI VỤ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



**NHU CẦU TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP GIÁO DỤC
THUỘC UBND THÀNH PHỐ VŨNG TÀU NĂM HỌC 2018-2019 (CẤP TIỂU HỌC)**

(Kèm theo Quyết định số 303 /QĐ-SNV ngày 16 tháng 8 năm 2018 của Sở Nội vụ)

ST T	Tên đơn vị	Tổng số	Vị trí việc làm: Giáo viên							Chức danh nghề nghiệp	Mã số	Ghi chú
			Tổng phụ trách	Văn hóa	Nhạc	Họa	Tin	Anh	Thể dục			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
1	Long Sơn 1	3		2			1			Giáo viên tiểu học hạng IV	V.07.03.09	
2	Long Sơn 2	4	1					2	1	Giáo viên tiểu học hạng IV	V.07.03.09	
3	Hải Nam	6		2		1		2	1	Giáo viên tiểu học hạng IV	V.07.03.09	
4	Phước Thắng	7		3				3	1	Giáo viên tiểu học hạng IV	V.07.03.09	
5	Bình Minh	8		5				2	1	Giáo viên tiểu học hạng IV	V.07.03.09	
6	Thắng Nhất	6		2		1		1	2	Giáo viên tiểu học hạng IV	V.07.03.09	
7	Chí Linh	15		12			1	1	1	Giáo viên tiểu học hạng IV	V.07.03.09	
8	Nguyễn Viết Xuân	7	1	3				2	1	Giáo viên tiểu học hạng IV	V.07.03.09	
9	Trương Công Định	3				1	1	1		Giáo viên tiểu học hạng IV	V.07.03.09	
10	Quang Trung	10	1	6		1		1	1	Giáo viên tiểu học hạng IV	V.07.03.09	
11	Trung Vương	9		6		1			2	Giáo viên tiểu học hạng IV	V.07.03.09	
12	Lê Lợi	6		3				2	1	Giáo viên tiểu học hạng IV	V.07.03.09	
13	Thắng Nhì	6	1	1				3	1	Giáo viên tiểu học hạng IV	V.07.03.09	
14	Hòa Bình	4	1					3		Giáo viên tiểu học hạng IV	V.07.03.09	
15	Bùi Thị Xuân	5		2					3	Giáo viên tiểu học hạng IV	V.07.03.09	
16	Nguyễn Thái Học	5		1	1	1			2	Giáo viên tiểu học hạng IV	V.07.03.09	
17	Bàu Sen	4				1	1		2	Giáo viên tiểu học hạng IV	V.07.03.09	

ST T	Tên đơn vị	Tổng số	Vị trí việc làm: Giáo viên							Chức danh nghề nghiệp	Mã số	Ghi chú
			Tổng phụ trách	Văn hóa	Nhạc	Họa	Tin	Anh	Thể dục			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
18	Đoàn Kết	5		2				2	1	Giáo viên tiểu học hạng IV	V.07.03.09	
19	Hạ Long	6		1			1	2	2	Giáo viên tiểu học hạng IV	V.07.03.09	
20	Thắng Tam	7		4				2	1	Giáo viên tiểu học hạng IV	V.07.03.09	
21	Võ Nguyên Giáp	19		14			1	2	2	Giáo viên tiểu học hạng IV	V.07.03.09	
22	Lý Tự Trọng	8	1		1	1		2	3	Giáo viên tiểu học hạng IV	V.07.03.09	
	Tổng	153	6	69	2	8	6	33	29			

*** Tổng cộng: 153 chỉ tiêu giáo viên**

Yêu cầu về tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức:

- Giáo viên tiểu học hạng IV - Mã số: V.07.03.09 theo quy định tại Thông tư liên tịch số 21/2015/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 16/9/2015 của Bộ Giáo dục - Đào tạo và Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên tiểu học công lập.



NHU CẦU TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP GIÁO DỤC
THUỘC UBND THÀNH PHỐ VŨNG TÀU NĂM HỌC 2018-2019 (CẤP TRUNG HỌC CƠ SỞ)

(Kèm theo Quyết định số 303 /QĐ-SNV ngày 16 tháng 8 năm 2018 của Sở Nội vụ)

TT	Đơn vị	Tổng số	Vị trí việc làm: Giáo viên				Chức danh nghề nghiệp	Mã số	Ghi chú
			Tổng phụ trách	Âm nhạc	Thể dục	Sinh học			
1	Phước Thắng	1		1			Giáo viên trung học cơ sở hạng III	V.07.04.12	
2	Nguyễn Gia Thiều	1			1		Giáo viên trung học cơ sở hạng III	V.07.04.12	
3	Nguyễn Thái Bình	1				1	Giáo viên trung học cơ sở hạng III	V.07.04.12	
Tổng cộng		3		1	1	1			

*** Tổng cộng: 05 chỉ tiêu giáo viên**

Yêu cầu về tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức:

- Giáo viên trung học cơ sở hạng III - Mã số: V.07.04.12 theo quy định tại Thông tư liên tịch số 22/2015/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 16/9/2015 của Bộ Giáo dục - Đào tạo và Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học cơ sở công lập.

UBND TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU
SỞ NỘI VỤ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**NHU CẦU TUYỂN DỤNG NHÂN VIÊN ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP GIÁO DỤC
THUỘC UBND THÀNH PHỐ VŨNG TÀU NĂM HỌC 2018-2019**
(Kèm theo Quyết định số 303 /QĐ-SNV ngày 16 tháng 8 năm 2018 của Sở Nội vụ)



STT	Đơn vị	Số lượng	Vị trí việc làm			Chức danh nghề nghiệp	Mã số	Ghi chú
			Văn thư	Thư viện	Thiết bị - thí nghiệm			
1	2	3	4	5	6	7	8	9
I	TIỂU HỌC							
1	TH Hòa Bình	1	1			Văn thư trung cấp	02.008	
2	TH Bàu Sen	1		1		Thư viện viên hạng IV	V.10.02.07	
3	TH Võ Nguyên Giáp	1	1			Văn thư trung cấp	02.008	
4	TH Lý Tự Trọng	1	1			Văn thư trung cấp	02.008	
TỔNG TIỂU HỌC		4	3	1				
II	TRUNG HỌC CƠ SỞ							
1	THCS Bạch Đằng	1			1	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.12	
2	THCS Võ Trường Toản	1		1		Thư viện viên hạng IV	V.10.02.07	
3	THCS Võ Văn Kiệt	1			1	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.12	
4	THCS Vũng Tàu	1	1			Văn thư trung cấp	02.008	
TỔNG TRUNG HỌC CƠ SỞ		4	1	1	2			
TỔNG CỘNG		8	4	2	2			

*** Tổng cộng: 08 chỉ tiêu (04 văn thư, 02 thư viện và 02 thiết bị - thí nghiệm)**

Yêu cầu về tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức:

- Nhân viên thiết bị-Thí nghiệm (xếp theo mã số giáo viên trung học cơ sở hạng III- Mã số: V.07.04.12) : Tốt nghiệp cao đẳng sư phạm trở lên chuyên ngành thiết bị - thí nghiệm hoặc tốt nghiệp cao đẳng trở lên, chuyên ngành lý, hóa, sinh, có chứng chỉ bồi dưỡng thiết bị thí nghiệm thực hành.
- Thư viện viên hạng IV- Mã số: V.10.02.07 theo Thông tư Liên tịch số 02/2015/TTLT-BVHTTDL-BNV ngày 19/5/2015 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch - Bộ Nội vụ Quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức ngành thư viện.
- Văn thư trung cấp - Mã số : 02.008 theo quy định tại Thông tư số 14/2014/TT-BNV ngày 31/10/2014 của Bộ Nội vụ quy định chức danh, mã số ngạch và tiêu chuẩn nghiệp vụ chuyên môn các ngạch công chức chuyên ngành văn thư.